

Số: 1422/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên
địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (nguồn vốn sự nghiệp);

Căn cứ Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/8/2013 của Tỉnh ủy Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 1215/TTr-STNMT ngày 02/6/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

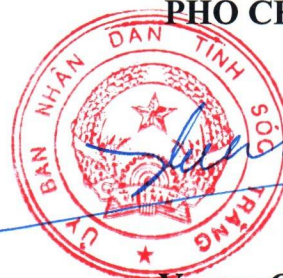
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo ST, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG****Ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1422/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Biến đổi khí hậu là một trong những mối đe dọa lớn nhất mà nhân loại đang phải đối diện với mức độ tác động và sự ảnh hưởng ngày càng tăng trên phạm vi toàn cầu. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu gây ra; đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất của cả nước, có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc gia; theo đó, nếu mực nước dâng 1m, thì 38,9% diện tích đất của Đồng bằng sông Cửu Long sẽ bị ngập, khoảng 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh lương thực của Việt Nam và Thế giới.

Tỉnh Sóc Trăng nằm cuối nguồn sông Hậu, tiếp giáp biển Đông với 72 km bờ biển, điều kiện địa hình khá thấp so với mực nước biển nên trong thời gian qua đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; trong đó, biểu hiện rõ nét là nhiệt độ tăng cao, hạn hán khô liệt, xâm nhập mặn sâu vào nội đồng, lốc xoáy diễn ra thường xuyên, triều cường gây ngập úng và sạt lở bờ sông, bờ biển diễn biến phức tạp,... ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chủ trương, chính sách, nỗ lực và quyết tâm trong ứng phó với biến đổi khí hậu, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Kế hoạch hành động) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu chung**

Xác định được các thách thức và cơ hội của biến đổi khí hậu đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó, đưa ra các giải pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng tiếp cận chủ động, linh hoạt thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới phát triển kinh tế thân thiện với môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững; góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và cam kết của Việt Nam trong đóng góp do quốc gia tự quyết định nhằm bảo vệ khí hậu trái đất theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; hình thành ý thức cho mỗi người dân trong xã hội về việc chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành được xây dựng, cập nhật, bổ sung phải tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường tự nhiên và các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; từ đó, xác định các giải pháp phòng, chống, ứng phó phù hợp trên các ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách quản lý và chủ động phòng, chống, hạn chế các tác động của triều cường, sạt lở, ngập úng, hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn; triển khai giải pháp ứng dụng công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Đề xuất các giải pháp và danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai thực hiện nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua các chương trình, đề án, dự án thích ứng cụ thể ở mỗi ngành, lĩnh vực và khu vực nhằm đạt được mục tiêu thích ứng chung của tỉnh và của từng ngành.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2030

1. Tăng cường năng lực quản lý, giám sát biến đổi khí hậu

- Triển khai xây dựng hệ thống các trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh với công nghệ hiện đại, có độ chính xác cao nhằm cung cấp thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn; phục vụ việc dự báo, cảnh báo sớm các điều kiện khí hậu cực đoan ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn do nước biển dâng; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng tránh thiên tai hiệu quả.

- Tổ chức xây dựng, lắp đặt các hệ thống và thực hiện việc quan trắc, giám sát sạt lở bờ sông, bờ biển nhằm đánh giá diễn biến, xu thế sạt lở, làm cơ sở để xác định các giải pháp xử lý phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Chủ động phòng, chống thiên tai, ngập úng, xâm nhập mặn; củng cố hệ thống đê sông, đê biển và đảm bảo an toàn các công trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu.

- Tăng cường cung cấp thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến các cơ quan, đơn vị sử dụng thông tin khí tượng, thủy văn, biến đổi khí hậu trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng. Hướng dẫn tiếp cận thông tin khí hậu và dự báo khí hậu cho người dân nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Định kỳ thực hiện đánh giá khí hậu tỉnh Sóc Trăng và cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho tỉnh theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước

biển dâng của Việt Nam (định kỳ 10 năm/lần đánh giá khí hậu và 05 năm/lần cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và có thể điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết).

2. Giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- Tăng cường triển khai thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao thông vận tải phù hợp với điều kiện của tỉnh; tiếp tục thực hiện chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Phát triển đồng bộ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn năng lượng. Thu hút đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện năng lượng mặt trời, điện sinh khối theo cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng sạch, gắn với phát triển rừng và bảo vệ bờ biển. Phát triển công nghiệp gắn liền với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu về tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó thực hiện các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng trồng, thảm xanh hiện hữu.

- Xây dựng và áp dụng mô hình kỹ thuật canh tác và chăn nuôi giảm phát thải khí nhà kính với từng hệ thống canh tác; hoàn thiện và triển khai trên diện rộng hệ thống canh tác, nuôi trồng thủy sản tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và ít phát thải.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án công nghiệp nhằm khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng năng lượng hiệu quả và phát thải thấp.

- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại để giảm dần việc chôn lấp chất thải tại khu vực đô thị. Từ năm 2025, triển khai xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại cho khu vực nông thôn; phấn đấu đến năm 2030 dừng việc chôn lấp chất thải tại khu vực đô thị. Khuyến khích hoạt động tái chế và tái sử dụng chất thải.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lâm nghiệp, tăng cường công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp nhằm duy trì diện tích rừng hiện có; triển khai các hoạt động bảo vệ, quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao khả năng hấp thụ khí nhà kính của hệ thống rừng, góp phần bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác lập quy hoạch; trong đó, tập trung vào các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, nhất là quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải và xử lý chất thải rắn; đảm bảo quy hoạch đi trước một bước để nâng cao năng lực dự báo, đáp ứng yêu cầu chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Khuyến khích xây dựng các công trình bằng các vật liệu tại chỗ, áp dụng công nghệ cao, kết hợp với chất phụ gia để tăng độ bền của công trình. Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ thông qua các đề tài, dự án nghiên cứu về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành, lĩnh vực, khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê sông, đê biển kém ổn định và xung yếu để đảm bảo an toàn các tuyến đê; xây dựng, nâng cấp các

công trình quan trọng tại các vùng có nguy cơ ngập úng và các công trình phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai khẩn cấp và tình hình thiên tai ngày càng tăng do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Triển khai các giải pháp thích ứng để phòng, chống hiệu quả thiên tai tại những vùng ven biển và các cù lao trên sông Hậu.

- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, xây dựng bản đồ cảnh báo thiên tai (hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt do bão, triều cường,...). Tăng cường triển khai các biện pháp cấp bách về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường gây ngập úng tại các khu vực đô thị, vùng trũng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu. Rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí lại dân cư; trong đó, kiểm soát và hạn chế việc xây dựng các điểm dân cư tập trung tại các khu vực sát bờ sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở cao để tránh rủi ro; dành không gian thoát lũ để đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của người dân. Nghiên cứu giải pháp nhằm sử dụng đất hiệu quả, phù hợp với đặc tính của từng vùng sinh thái; khai thác quỹ đất chưa sử dụng và diện tích đất bãi bồi ven sông, ven biển nhằm mở hướng đi mới khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, khu, cụm công nghiệp ở khu vực không thể canh tác nông nghiệp.

- Thực hiện công tác điều tra, đánh giá, thống kê tài nguyên nước để có kế hoạch khai thác, sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả và bền vững; tăng cường công tác giám sát, bảo vệ tài nguyên nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước; đầu tư xây dựng các hồ chứa nước ngọt phục vụ cho sản xuất trong điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn do tác động của biến đổi khí hậu; thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước cho các lưu vực sông chính, quản lý tổng hợp vùng bờ. Triển khai ứng dụng công nghệ xử lý nước mặn, nước lợ thành nước ngọt, đáp ứng yêu cầu cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học thông qua việc tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển các mô hình thích ứng dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng.

- Đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, chỉnh trang đô thị, khu dân cư,... nhằm góp phần ổn định sản xuất và đời sống dân cư tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai; thực hiện cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi ngăn mặn, trữ ngọt, chống hạn, điều hòa khí hậu; xây dựng, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt.

- Nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân cư tại các khu vực ven biển, vùng dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai. Thực hiện thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, ưu tiên đối với cộng đồng dễ bị tổn thương nhất. Xây dựng mô hình cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường đầu tư các dự án bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển nhằm chống xói lở và đẩy mạnh quá trình bồi lắng ven biển; rà soát tình hình sử dụng đất để chủ động di dời, bố trí, sắp xếp lại điểm dân cư sống ven đê, ven sông, ven biển; trong đó, kiểm soát và hạn chế việc xây dựng các điểm dân cư tập trung tại các vùng sát bờ sông, bờ đê, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở cao nhằm tránh thiệt hại khi xảy ra thiên tai.

- Thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến năng suất, sản lượng các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của địa phương; nghiên cứu, lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu để chủ động phòng, tránh dịch bệnh; tăng cường nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân tại những vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh; qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền và cộng đồng về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm góp phần nâng cao nhận thức, hình thành ý thức cho mỗi thành viên trong xã hội về chủ động phòng, tránh thiên tai để sinh sống, sản xuất theo hướng thích nghi với biến đổi khí hậu. Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách và quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết cho học sinh các cấp về biến đổi khí hậu thông qua chương trình giáo dục ngoại khóa; xây dựng giải pháp lồng ghép, tích hợp biến đổi khí hậu trong giáo dục tại các cấp học. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực và trình độ chuyên môn trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; kiện toàn bộ máy quản lý về biến đổi khí hậu.

- Áp dụng công nghệ thông tin, ứng dụng có hiệu quả hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là hỗ trợ người dân trong việc trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển. Tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội, từ các thành phần kinh tế, thu hút các nguồn vốn ODA và hỗ trợ từ các nước cho việc thực hiện công tác điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; đặc biệt chú trọng lồng ghép các vấn đề về biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư để gia tăng nguồn đầu tư vào nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu.

5. Giải pháp về tài chính

- Huy động nhiều lực để thực hiện; bao gồm: Nguồn xã hội hóa, nguồn tài chính của Trung ương, địa phương, các dự án ODA, từ các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình liên quan đến nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ cao và những vùng chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí, vật chất cho công tác nâng cấp các hệ thống hạ tầng, các đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, dự án trong các giai đoạn trước; trong đó, có giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp để đến năm 2050 cơ bản đạt các mục tiêu sau:

- Tiếp tục tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đảm bảo an toàn trước thiên tai.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến giảm thiểu phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của từng ngành, từng lĩnh vực trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của tỉnh Sóc Trăng trong ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực vận động sự hỗ trợ từ quốc tế về năng lực, tài chính, công nghệ ứng phó hiệu quả với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Thực hiện lồng ghép các yếu tố về biến đổi khí hậu trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống nhân dân hướng tới bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh của tỉnh.

- Phát triển hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nhằm giảm thiểu các tác động sạt lở, ngập úng do biến đổi khí hậu; kết nối thông suốt hệ thống giao thông giữa các huyện, xã trong tỉnh và với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, hệ thống đê sông, đê biển bảo đảm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, giá trị kinh tế cao; lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với các điều kiện khắc nghiệt do biến đổi khí hậu.

IV. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Danh mục 47 nhiệm vụ, dự án ưu tiên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030 (*Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch hành động*).

2. Tổng kinh phí thực hiện: 3.825,2 tỷ đồng (*Ba nghìn, tám trăm hai mươi lăm tỷ, hai trăm triệu đồng*) dự kiến huy động từ các nguồn sau:

- Ngân sách địa phương: 345,1 tỷ đồng (gồm vốn đầu tư, vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2030).

- Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hỗ trợ khác: 3.480,1 tỷ đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng tỉnh Sóc Trăng

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, vận động hỗ trợ tài chính quốc tế cho các hoạt động về biến đổi khí hậu và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án quốc tế về biến đổi khí hậu.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng tỉnh Sóc Trăng phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động và các dự án, nhiệm vụ được phân công.

- Rà soát các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do đơn vị phụ trách đề tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp; làm cơ sở cho các sở, ngành và địa phương đề xuất các dự án đầu tư đúng quy định.

- Định kỳ 06 tháng và hàng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động cho phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh và chỉ đạo của cơ quan Trung ương (nếu có).

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương thường xuyên rà soát, tham mưu việc điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng lồng ghép, tích hợp các yếu tố biến đổi khí hậu nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh theo từng giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án do các sở, ban ngành và các địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các quy định có liên quan.

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động và các dự án, nhiệm vụ được phân công.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương; hướng dẫn việc thanh, quyết toán các nhiệm vụ, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, nhiệm vụ liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi; trong đó, quan tâm phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ và cơ cấu giống phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu của các vùng sinh thái trong tỉnh.

- Tranh thủ nguồn lực đầu tư, triển khai hiệu quả các dự án trong lĩnh vực lâm nghiệp để từng bước mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng rừng, phát huy tốt vai trò chắn sóng lấn biển; bố trí, sắp xếp tái định cư đối với dân cư sống trong vùng thường xuyên bị thiên tai và chủ động di dời dân cư ra khỏi các khu vực nguy hiểm.

- Thực hiện rà soát, quy hoạch, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê sông, đê biển ở những vùng xung yếu, các công trình ngăn mặn, công trình cấp nước, tiêu nước, đảm bảo chống chịu được tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng theo từng giai đoạn.

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, dự án liên quan đến quy hoạch đô thị bền vững, quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải và xử lý chất thải rắn khu vực đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình xanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý việc thu gom và xử lý chất thải đô thị bằng các biện pháp thích hợp; ưu tiên việc tái chế, tái sử dụng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động và các dự án, nhiệm vụ được phân công.

7. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; triển khai có hiệu quả các chương trình về sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp giảm thiểu thiệt hại do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xây dựng và điều chỉnh quy hoạch công nghiệp theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được phân công; phối hợp các sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các hoạt động nghiên cứu, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học về thích ứng và giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu gây ra; nghiên cứu đề xuất triển khai thực hiện các đề án, dự án khoa học bảo vệ tài nguyên và môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính;...

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được phân công; phối hợp các sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chủ trì, phối hợp đưa các nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu vào chương trình giảng dạy nhằm nâng cao kiến thức cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh về tác động của biến đổi khí hậu.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp các cơ quan báo, đài xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu, các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu; giám sát, đề xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu; tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân cùng tham gia đóng góp nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động.

12. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Trên cơ sở Kế hoạch hành động được ban hành, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức nghiên cứu, lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển của ngành theo chức năng, nhiệm vụ để triển khai thực hiện. Đồng thời, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc ngành, lĩnh vực được giao chủ trì trong Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Kế hoạch hành động.

VI. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1. Nội dung giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo

- Giám sát, đánh giá việc huy động và phân bổ các nguồn lực cho các mục tiêu của Kế hoạch hành động: Kết quả và hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, giải pháp của Kế hoạch hành động: Kết quả và tiến độ thực hiện.

- Giám sát, đánh giá, báo cáo việc xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách của Kế hoạch hành động: Sự tuân thủ và tác động của các chính sách, cơ chế đối với việc thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ ưu tiên của Kế hoạch hành động.

- Giám sát, đánh giá, báo cáo sự tham gia của cộng đồng đối với việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động: Mức độ tham gia và tác động đối với việc thực hiện.

- Giám sát, đánh giá, báo cáo việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động của các sở, ban, ngành và địa phương: Kết quả và tiến độ thực hiện.

- Phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu, những thiếu sót và những thách thức, các cơ hội trong quá trình thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động; trên cơ sở đó, nhận diện những nguyên nhân và kiến nghị cách thức, phương hướng khắc phục hoặc phát huy.

2. Cơ quan kiểm tra, giám sát, đánh giá và thời gian thực hiện

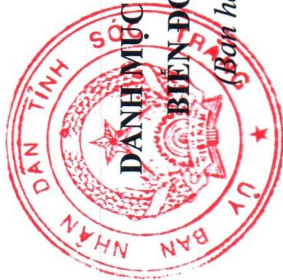
- Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hình thực hiện Kế hoạch hành động của các sở, ban ngành và địa phương.

- Thời gian kiểm tra, giám sát và đánh giá: Định kỳ 01 lần/năm (trước ngày 30 tháng 11 hàng năm).

3. Chế độ báo cáo

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp thông tin, báo cáo theo định kỳ 06 tháng và hàng năm kết quả thực hiện Kế hoạch hành động (trước ngày 20/6 và ngày 20/10), gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, quản lý, lưu giữ những thông tin do các sở, ngành và địa phương báo cáo để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nội dung theo quy định. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác báo cáo Trung ương theo định kỳ hoặc khi được yêu cầu./.



DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết số: 1422 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
I	Tăng cường năng lực, xây dựng cơ chế, chính sách và quản lý, nâng cao nhận thức cộng đồng														
1	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu; triển khai hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng cơ chế định kỳ đánh giá, giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		1.000	1.000	500	500	1.000	500	500	500	500	2.000	4.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất	
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác		
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư			
2	Nâng cao nhận thức, hiểu biết cho học sinh về biến đổi khí hậu thông qua giáo dục ngoại khóa và xây dựng các giải pháp lồng ghép, tích hợp biến đổi khí hậu trong giáo dục các cấp học trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng			500	300	200							500		500	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Xây dựng các bộ tài liệu tuyên truyền về ứng phó với biến đổi khí hậu chuẩn cho các thành phần là công chức, học viên chức, học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư trong tỉnh Sóc Trăng		500										500			Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
4	Tuyên truyền, hướng dẫn công tác chuyên môn về khí tượng thủy văn, các tác động và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	150	150	100	100	100	100	100	100	100	100	500		500	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến lĩnh vực biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu về thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	2.000		2.000	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
6	Nâng cao nhận thức và hỗ trợ đổi mới chuyển đổi sản xuất xanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	125	125	125	125	125	300	300	300	300	300	500		1.500	Sở Công Thương
II	Nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính														
1	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		800	1.200			1.000	1.000				1.000		3.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ giúp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo						2.000	1.000				3.000			Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất	
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác		
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư			
	tồn và phát triển các hệ sinh thái sông, rừng ngập mặn gia tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính															
3	Xây dựng và triển khai nhân rộng ứng dụng năng lượng tái tạo, công nghệ ít tiêu tốn năng lượng vào hạng mục báo hiệu giao thông		1.000	500									500		1.000	Sở Giao thông vận tải
4	Điều tra, đánh giá trình độ công nghệ trong lĩnh vực chủ yếu của ngành công thương; đề xuất giải		400			400							800			Sở Công Thương

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
												Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
	pháp đổi mới công nghệ, thiết bị theo hướng sản xuất sạch tiết kiệm năng lượng, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính														
5	Thực hành sử dụng tiết kiệm năng lượng và đánh giá tiềm năng về sử dụng năng lượng mặt trời tại tỉnh Sóc Trăng		200	200	200	100						700			Sở Công Thương
III	Năng cao năng lực thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu														



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất	
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác		
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư			
1	Xây dựng mô hình sản xuất từ các giống cây trồng, vật nuôi, các giống thủy hải sản có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		1.500	1.500	1.000	1.000	1.000						5.000		Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Xây dựng mô hình thí điểm hỗ trợ phát triển phương thức sinh kế nuôi trồng, thủy sản bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		2.500	2.500	2.500	2.500							4.000	6.000		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
3	Chuyển đổi cơ cấu tàu, thuyền công suất hợp lý; đổi mới công nghệ khai thác hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu						4.000	4.000	4.000	4.000	4.000		5.000	15.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Nhân rộng mô hình nuôi thủy sản hỗn hợp, đa loài, an toàn sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu						6.000	4.000					2.000	8.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phát triển thủy sản bền vững (SFDP) tỉnh Sóc Trăng		232.700	232.700	232.700	232.700							123.800	807.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Đầu tư xây dựng vùng sản xuất lúa thơm - tôm sạch huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035		125.000	125.000	125.000	125.000								500.000	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)											Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030									
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác		
												Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư			
7	Xây dựng mô hình thí điểm thủy lợi vùng chuyên canh tôm công nghệ cao khu vực huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng			116.000	116.000									232.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Đầu tư phát triển vùng sản xuất tím hành theo hướng hữu cơ và kết hợp tưới tiêu tiết kiệm nước			50.000	50.000	50.000								150.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
9	Đầu tư xây dựng các kè sông cho các xã, thị trấn và khu dân cư tập trung thường bị sạt lở						150.000	150.000	150.000	150.000	100.000		50.000	650.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
10	Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng			1.000	1.000							500		1.500	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn đảm bảo dự báo và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan và thiên tai						3.000	2.000	1.000			6.000			Sở Tài nguyên và Môi trường
12	Xây dựng kế hoạch và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		3.000	4.000	4.000	4.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	30.000			Sở Tài nguyên và Môi trường

Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)																		
TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Giai đoạn 2021 - 2025								Giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác				
												Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư					
13	Xây dựng hệ thống giám sát về môi trường, chương trình bác sĩ môi trường						1.000						200		800	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Y tế		
14	Tăng cường năng lực cho hệ thống cảnh báo và dự báo thời tiết, khí hậu, thủy hải văn và nông nghiệp						1.000						2.000			Sở Tài nguyên và Môi trường		
15	Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đê bao cũ lao sông Hậu để ổn định sản xuất và đời sống người dân						100.000								500.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
16	Đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng			100.000	100.000									50.000	150.000	Ban Quản lý dự án 2		

TT		Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
			Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
			2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
17		Kè chống sạt lở bờ sông Cái Côn - huyện Kế Sách		35.000	35.000	28.000							9.800	88.200	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách	
18		Nâng cấp đê bao các cồn Phong Nẫm, Mỹ Phước, An Tấn và An Công thuộc huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng			50.000	50.000	30.000								130.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19		Đầu tư xây dựng công Long Phú		30.000	10.000										40.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20		Xây dựng đê bao chống ngập vùng trũng huyện Mỹ Tú			50.000	39.000									89.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21		Xây dựng đê bao chống ngập vùng trũng huyện Châu Thành		50.000	39.000										89.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
22	Xây dựng mô hình cộng đồng tham gia bảo tồn, quản lý và phát triển bền vững đa dạng sinh học nhằm thích ứng và giảm nhẹ hậu quả tác động của biến đổi khí hậu			1.000								400		600	Sở Tài nguyên và Môi trường
23	Xây dựng bản đồ số hóa độ cao (bề mặt thực địa) của tỉnh Sóc Trăng phục vụ nghiên cứu xây dựng các mô hình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng			2.000	1.000							3.000			Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
24	Điều tra, đánh giá xác định dòng chảy tối thiểu, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	2.200	4.000									6.200			Sở Tài nguyên và Môi trường
25	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	4.600	8.500	4.600								17.700			Sở Tài nguyên và Môi trường
26	Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		2.000	1.000								3.000			Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)											Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030						Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư			
27	Điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp ứng phó nguy cơ thiếu nguồn nước ngọt trước kịch bản suy giảm nguồn nước sông Mê Kông và nước biên dạng			2.000	1.000								3.000			Sở Tài nguyên và Môi trường
28	Điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông nội tỉnh			3.000	1.500								4.500			Sở Tài nguyên và Môi trường
29	Rà soát các điểm dân cư có nguy cơ sạt lở đất và ngập lụt để có phương án di dời, sắp xếp lại dân cư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		1.000	1.000									500		1.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
30	Lập quy hoạch vùng liên huyện ven biển (Cù Lao Dung, Trần Đề, Vĩnh Châu) lồng ghép với biến đổi khí hậu		2.000	1.000								1.000		2.000	Sở Xây dựng
31	Lập quy hoạch vùng liên huyện ven sông Hậu (Kế Sách, Long Phú, Trần Đề) lồng ghép với biến đổi khí hậu		2.000	1.000								1.000		2.000	Sở Xây dựng
32	Điều tra, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hạ tầng đường giao thông và đề xuất các biện pháp phù hợp để thích ứng, giảm thiểu ngập úng và xâm nhập mặn		1.000	500								1.500			Sở Giao thông vận tải



Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)															Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác				
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư					
33	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến bệnh dịch. Đề xuất các hình thức giám sát và phòng, chống các loại bệnh do thiên tai		500	1.000								1.000		500	Sở Y tế			
34	Đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu						1.000	500	500	500	500	1.000		2.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
35	Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		500	500	500	500						500		1.500	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)										Dự kiến nguồn vốn huy động			Cơ quan chủ trì/đề xuất
		Giai đoạn 2021 - 2025					Giai đoạn 2026 - 2030					Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương, các nguồn vốn khác	
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư		
36	Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	6.800	505.875	839.475	754.925	447.625	274.400	268.400	500			500		1.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Tổng kinh phí		2.554.700					1.270.500					3.825.200		3.480.100	

Sóc Trăng